TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2019/DS -ST
Ngày: 05 -11 -2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vũ Thị Hiệp

2/ Bà Võ Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quí – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2019/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Thùy P, sinh năm: 1980; địa chỉ: 89 đường C, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P là: Luật sư Nguyễn Ngọc T- Văn phòng luật sư Đ; địa chỉ: 45/14 đường H2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Quang K, sinh năm: 1980; hộ khẩu thường trú: 35A lô R cư xá D, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: 85 đường C, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Doãn Thanh H, sinh năm: 1978; địa chỉ: 89 đường C, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Doãn Thanh H là: Luật sư Nguyễn Ngọc T- Văn phòng luật sư Đ; địa chỉ: 45/14 đường H2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/9/2019, bản tự khai ngày 10/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P trình bày: Bà và ông Trần Quang K là hàng xóm gần nhà nhau. Từ năm 2017 thì bà cho ông Trần Quang K vay tiền nhiều lần cụ thể những lần cho vay có giấy tờ gồm:

- Ngày 12/6/2017 cho ông K mượn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày 12/7/2017 cho ông K mượn 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

- Ngày 31/7/2017 cho ông K mượn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày 12/2/2018 cho ông K mượn 1.100.000.000đ (Một tỷ, một trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền cho vay có giấy tờ là 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng). Sau đó ông Trần Quang K tiếp tục vay của bà nhiều lần tiền nhưng do hai bên tin tưởng nhau nên không làm giấy vay tiền nữa mà mỗi lần cho cho ông K vay tiền thì bà giao tiền trực tiếp cho ông K và hai bên xác nhận số tiền mượn qua tin nhắn điện thoại. Số điện thoại mà bà sử dụng để nhắn tin cho ông K là số 0934123761 và 0909510552; số điện thoại của ông K là: 0903366674. Khi cho ông K vay tiền thì bà và ông K có thỏa thuận với nhau là lãi suất cho vay là 4%/tháng và thời hạn vay là 01 (một) tháng, bên vay có thể vay thêm hoặc trả gốc trước hạn nhưng việc trả nợ gốc và lãi là ngày 17 hàng tháng. Tuy nhiên, những thỏa thuận về lãi suất và thời hạn cho vay hai bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Thời gian đầu thì ông K trả lãi cho bà đầy đủ và việc trả lãi hai bên cũng không làm biên nhận, nhưng kể từ lần cho vay thêm số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng) thì ông K trả lãi không đầy đủ nữa. Tính đến ngày 03/12/2018 thì ông K còn nợ tiền vốn vay của bà tổng cộng là: 2.300.000.000đ (Hai tỷ, ba trăm triệu đồng), số tiền nợ này bao gồm cả 04 khoản vay có làm giấy mượn tiền và số tiền vay xác nhận qua tin nhắn điện thoại. Từ ngày 17/12/2018 bà và chồng bà là ông Doãn Thanh H đã nhiều lần nhắn tin yêu cầu ông K trả số tiền còn nợ là: 2.300.000.000 đồng nhưng lúc đầu ông K còn nhắn tin khất nợ, sau đó thì không trả lời tin nhắn nữa. Bà đã gửi thông báo đòi nợ yêu cầu ông K phải trả nợ cho bà nhưng ông K đã bỏ trốn khỏi địa P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Toàn bộ số tiền mà bà cho ông K vay là tài sản chung của bà và chồng bà là ông Doãn Thanh H, việc bà cho ông K vay tiền thì chồng bà cũng biết nhưng bà là người đứng ra trực tiếp cho ông K vay tiền.

Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Trần Quang K phải trả số tiền vay được xác nhận qua tin nhắn điện thoại với số tiền là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Nay bà chỉ khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang K trả cho bà số tiền đã vay theo các giấy mượn tiền mà hai bên có ký xác nhận với nhau vào các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 với tổng số tiền vay còn thiếu là: 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Khi bà cho ông K vay tiền thì bà đưa tiền trực

tiếp cho cá nhân của ông K. Vì vậy, nay bà yêu cầu ông K phải chịu trách nhiệm cá nhân trả tiền vốn vay và tiền lãi chậm thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Quang K vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Doãn Thanh H trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị Thùy P, từ năm 2017 thì bà Huỳnh Thị Thùy P đã cho ông Trần Quang K vay nhiều lần tiền, có một số lần cho vay tiền thì hai bên có làm giấy mượn tiền. Sau đó do tin tưởng lẫn nhau nên mỗi lần cho ông K mượn tiền thì bà P và ông K chỉ xác nhận số tiền mượn qua tin nhắn điện thoại. Tổng số tiền bà P cho ông K mượn có giấy tờ là 1.930.000.000đ (một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng). Nay bà P chỉ khởi kiện yêu cầu ông K phải trả số tiền đã vay theo các giấy mượn tiền mà hai bên đã ký xác nhận với nhau với số tiền là: 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toàn bộ số tiền mà bà P cho ông K vay là tài sản chung của vợ chồng ông và ông có biết việc bà P cho ông K vay tiền. Khi cho ông K vay tiền thì bà P là người trực tiếp đứng ra giao dịch. Vì vậy, nay ông đồng ý để cho cá nhân bà P được toàn quyền nhận lại toàn bộ số tiền vốn và tiền lãi mà ông K phải trả.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Doãn Thanh H là luật sư Nguyễn Ngọc T trình bày*: Vào các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 bà Huỳnh Thị Thùy P đã cho ông Trần Quang K vay tổng số tiền là: 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng), toàn bộ số tiền vay này ông K có viết giấy mượn tiền của bà P. Bà Huỳnh Thị Thùy P và chồng của bà P là ông Doãn Thanh H đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền đã vay nhưng ông Trần Quang K đều trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà Huỳnh Thị Thùy P cũng đã làm các thông báo gửi cho ông Trần Quang K yêu cầu ông Trần Quang K phải trả nợ cho bà P nhưng ông K vẫn không trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy P buộc ông Trần Quang K phải trả cho bà P số tiền vốn vay còn thiếu theo 04 (bốn) giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 với tổng số tiền vay còn thiếu là: 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng) và trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu ông Trần Quang K thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phần phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt

nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 có cơ sở xác định bà Huỳnh Thị Thùy P đã cho ông Trần Quang K vay với tổng số tiền là: 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng), vay không thời hạn và không có lãi suất. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã được bà P nhắc nhở và gửi thông báo đòi nợ nhưng ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P. Do vậy, nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang K phải trả số tiền vay còn thiếu là 1.930.000.000đ (Một tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/9/2019 bà P đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông K phải trả số tiền vay qua tin nhắn điện thoại là 370.000.000 đồng. việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là sự tự nguyện của bà P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của bà Huỳnh Thị Thùy P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang K phải trả số tiền vay theo giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ông Trần Quang K có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 35A lô R cư xá D, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; theo kết quả trả lời xác minh ngày 18/4/2019 của Ban chỉ huy Công an Phường K, Quận F thì thời gian trước ông K có tạm trú tại địa chỉ số 85 đường C Phường K, Quận F đến tháng 12/2018 chuyển đi nơi khác không rõ đi đâu. Căn cứ vào các giấy mượn tiền đề ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 đều thể hiện ông Trần Quang K, sinh năm: 1980 có địa chỉ tại 85 đường C, Phường K, Quận F. Do vậy, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *" Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng bằng văn bản thì được coi là " đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung…"*. Như vậy, trong trường hợp này được coi là ông Trần Quang cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Quang K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm

nay ông Trần Quang K vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 23/9/2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Trần Quang K phải trả số tiền đã vay mà hai bên xác nhận việc cho vay qua tin nhắn điện thoại với số tiền là: 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các giấy mượn tiền do bà Huỳnh Thị Thùy P cung cấp thì có cơ sở xác định vào ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 bà Huỳnh Thị Thùy P đã cho ông Trần Quang K vay tổng số tiền là 1.930.000.000đ (một tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra bà P còn trình bày là bà còn cho ông K vay nhiều lần tiền nhưng mỗi lần vay tiền thì bà và ông K chỉ xác nhận số tiền vay thêm qua tin nhắn điện thoại. Số điện thoại mà bà dùng để nhắn tin cho ông K là các số: 0934123761; 909510552 và số điện thoại của ông K là số 0903366674. Chứng cứ mà bà P cung cấp cho Tòa án là bộ vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Quận B lập ngày 13/3/2019. Trong bộ vi bằng lập ngày 13/3/2019 có ghi nhận lại ngày tháng năm, giờ nhắn tin và nội dung các tin nhắn giữa các số điện thoại 0934123761; 909510552 với số điện thoại 0903366674. Nội dung các tin nhắn thể hiện các bên có giao dịch cho nhau vay tiền và trả tiền vay nhiều lần, tin nhắn cuối cùng xác nhận số tiền vay còn thiếu là 2.300.000.000 đồng và sau đó là những tin nhắn yêu cầu phải thanh toán tiền vay còn thiếu.

Tại công văn trả lời số 959/TT-TCTK-ĐSTK ngày 30/5/2019 của Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone thuộc Tổng công ty viễn thông Mobife có cung cấp thông tin như sau: số điện thoại 0909510552 tên thuê bao là Doãn Thanh H, số điện thoại 0934123761 tên thuê bao là Đặng Đình A, số điện thoại 0903366674 tên thuê bao là Trần Quang K. Về nội dung các tin nhắn đến số thuê bao 0903366674 của ông Trần Quang K thì Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone không cung cấp được nhưng có cung cấp cho Tòa án toàn bộ những tin nhắn đến và tin nhắn đi của số thuê bao 0903366674 từ ngày 09/10/2017 đến ngày 05/02/2019.

Sau khi đối chiếu giữa ngày tháng năm và giờ nhắn tin (tin nhắn đến và tin nhắn đi) giữa số thuê bao 0934123761; 0909510552 với số thuê bao 0903366674 theo bộ vi bằng mà bà P cung cấp với danh sách các tin nhắn đến và đi do Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone cung cấp nhận thấy gần như toàn bộ không có vấn đề trao đổi tin nhắn giữa số thuê bao 0934123761; 0909510552 với số thuê bao 0903366674. Chỉ có một vài tin nhắn giữa số thuê bao 0934123761; 0909510552 với số thuê bao 0903366674 là trùng khớp ngày giờ nhắn tin với nhau tuy nhiên không xác định được nội dung tin nhắn. Do vậy chứng cứ là bộ vi bằng mà nguyên đơn cung cấp không có cơ sở để xem xét.

Tổng số tiền mà bà P cho ông K vay theo giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 là 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi

triệu đồng). Trên giấy mượn tiền có chữ ký và viết tên của bên mượn tiền là Trần Quang K và bên cho mượn là Huỳnh Thị Thùy P. Theo như bà Huỳnh Thị Thùy P trình bày thì ông K chưa trả cho bà số tiền đã vay là 1.930.00.000 đồng theo các giấy vay tiền vào các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quang K không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp bất cứ lời khai và chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình cũng như chứng cứ để chứng minh về việc đã trả số tiền vay trên cho bà P hay chưa.

Như vậy, căn cứ vào giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Trần Quang K có vay của bà Huỳnh Thị Thùy P tổng số tiền là: 1.930.000.000đ (Một tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng) đến nay vẫn chưa trả số tiền đã vay cho bà P. Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu ông K chịu trách nhiệm cá nhân phải trả số tiền đã vay là 1.930.000.000đ (một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: theo như bà P trình bày thì bà P và ông K có thỏa thuận lãi suất cho vay là 4%/tháng. Tuy nhiên, căn cứ trên các giấy vay tiền mà bà P cung cấp thì trên các giấy mượn tiền đều không ghi lãi suất cho vay và thời hạn cho vay. Do bà P không đưa ra được chứng cứ là bà P cho ông K vay tiền có lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định tất cả các khoản vay theo giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 là khoản vay không có thời hạn và không lãi suất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 quy định " *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất thì bên vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Ngày 15/02/2019 và ngày 22/02/2019 bà P đã gửi thông báo đòi nợ đến ông Trần Quang K nội dung thông báo là yêu cầu ông K phải thanh toán số tiền đã vay theo các giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/2/2018 và số tiền mượn xác nhận qua tin nhắn, tổng cộng số tiền là 2.300.00.000 đồng. Theo thông báo đòi nợ thì bà P yêu cầu ông K phải thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu vào ngày 28/02/2019. Như vậy, bà Huỳnh Thị Thùy P đã thực hiện đúng thủ tục thông báo yêu cầu ông Trần Quang K trả nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định *" Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ. Mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm. Bà P đã thông báo cho ông K phải trả nợ hạn chót vào ngày 28/02/2019 tuy nhiên ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P. Do vậy, ông K phải trả cho bà

P khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả bắt đầu từ ngày 01/3/2019 đến ngày 05/11/2019 là:

1.930.000.000đ x (10% : 12 tháng) x 8,13 tháng = 130.234.470đ (Một trăm ba mươi triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng).

Tổng cộng tiền vốn và lãi ông Trần Quang K phải trả cho bà Huỳnh Thị Thùy P là:

1.930.000.000đ + 130.234.470đ = 2.060.234.470đ (Hai tỷ, không trăm sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng).

Thời gian thanh toán: thanh toán làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị Thùy P và ông Doãn Thanh H đều thừa nhận toàn bộ số tiền mà bà P cho ông K vay là tài sản chung của bà P và ông H. Nay ông Doãn Thanh H đồng ý để cho cá nhân của bà P được toàn quyền nhận lại toàn bộ số tiền vốn và tiền lãi mà ông K phải trả. Đây là sự tự nguyện của ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí:

Ông Trần Quang K phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà Huỳnh Thị Thùy P là:

72.000.000đ + 2% (2.060.234.470đ – 2.000.000.000đ) = 73.204.689đ (Bảy mươi ba triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm tám mươi chín đồng)

- Bà Huỳnh Thị Thùy P không phải nộp án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 26; a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466; khoản 1,2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy P về việc không yêu cầu ông Trần Quang K phải trả số tiền vay xác nhận qua tin nhắn điện thoại với số tiền là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng)

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy P

- Buộc ông Trần Quang K chịu trách nhiệm cá nhân trả cho bà Huỳnh Thị Thùy P số tiền vốn vay là 1.930.000.000đ (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền các ngày 12/6/2017; 12/7/2017; 31/7/2017; 12/02/2018 và tiền

lãi do chậm thanh toán là: 130.234.470 đ (Một trăm ba mươi triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng). Tổng cộng cả vốn và lãi là: 2.060.234.470đ (Hai tỷ, không trăm sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng)

- Thời gian thanh toán: thanh toán làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định về mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Doãn Thanh H đồng ý để cho cá nhân bà Huỳnh Thị Thùy P được nhận toàn bộ tiền vốn đã cho ông K vay là 1.930.000.000đ (Một tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Quang K phải nộp tiền án phí là: 73.204.689đ (Bảy mươi ba triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm tám mươi chín đồng)

- Bà Huỳnh Thị Thùy P không phải nộp án phí, trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010949 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

6/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn